

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trà Thị Thanh Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sơn Cước.

Bà Thái Thị Viêt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Đặng Tuấn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Mai Xuân L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 05, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim Y trình bày: Chị và anh Mai Xuân L tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, hay cãi vã, mâu thuẫn với nhau trong việc quản lý tiền bạc, trong mối quan hệ với gia đình bên chồng. Anh L ít khi chia sẻ cảm thông với chị trong cuộc sống. Hiện nay chị cảm thấy

cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về nuôi con: Chị và anh L có 01 con chung cháu Mai Xuân K, sinh ngày 17/9/2015 hiện nay cháu K đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2017, biên bản hòa giải ngày 07/8/2017 bị đơn là anh Mai Xuân L trình bày: Anh và chị Y kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong quá trình chung sống, anh thừa nhận bản thân ít có sự chia sẻ với vợ trong cuộc sống. Tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ chồng anh không đáng kể. Hiện nay anh còn yêu thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng anh đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh và chị Y có 01 người con chung như chị Y đã trình bày là đúng. Hiện nay, chị Y đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh thống nhất theo nguyện vọng của chị Y, giao cháu K cho chị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim Y đối với anh Mai Xuân L. Giao cháu Mai Xuân K cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim Y và anh Mai Xuân L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 11/9/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Y mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh chị tính tình không hợp nhau hay cãi vã, anh L ít chia sẻ với chị trong cuộc sống hôn nhân. Chị cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị kiên quyết xin ly hôn. Anh L thừa nhận ít chia sẻ với chị Y trong cuộc sống hôn nhân, anh cho rằng

mâu thuẫn giữa vợ chồng không đáng kể nên anh không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh lại không thể hiện được thiện chí mong muốn đoàn tụ gia đình. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải vào ngày 16/8/2017.

Kết quả xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp thể hiện: Sau khi kết hôn anh, chị sống tại nhà anh L được một thời gian rồi chị về sống cùng với nhà mẹ ruột tại xã T từ tháng 02 năm 2015 đến nay, anh L thỉnh thoảng có về nhà mẹ chị thăm con chứ thực tế hai vợ chồng ít sống chung nên không chia sẻ cảm thông cho nhau trong cuộc sống vợ chồng, dẫn đến giữa vợ chồng thường hay cãi vã làm mất hạnh phúc gia đình.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị Y và anh L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc xét xử cho chị Y được ly hôn với anh L là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Y và anh L có 01 con chung là cháu Mai Xuân K, sinh ngày 17/9/2015. Sau khi ly hôn chị Y và anh L đều thống nhất giao cháu K cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống cùng chị Y, thỏa thuận về nuôi con của chị Y và anh L phù hợp với thực tế và đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết nội dung này.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018462 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân, nuôi con và cấp dưỡng đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim Y được ly hôn với anh Mai Xuân L

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Kim Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Xuân K, sinh ngày 17/9/2015 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim Y phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0018462 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị Y đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2017); Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS h.Tiên Phước
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trà Thị Thanh Thắm

